TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 31/01/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:
1.Ông Trần Văn Hưng
2.Ông Nguyễn Văn Trước

*-**Thư ký phiên toà:*** bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

*-**Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:*** không tham gia.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 512/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/ 2019/ QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 18/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1995(có mặt)
Địa chỉ: 120A/10, ấp An Phú A, xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1961 (vắng mặt)
Địa chỉ: 203/11, ấp Hòa Lợi, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Chị và ông Nguyễn Văn Th kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà của ông Th, chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th không quan tâm chăm sóc chị và con, mọi công việc đều giao cho chị làm. Thường xuyên xảy ra cự cãi vấn đề tiền bạc chi tiêu trong gia đình, không hợp nhau. Năm 2015 chị làm đơn ly hôn thì ông Th bàn bạc hứa khắc phục sửa chữa nên chị cho cơ hội vợ chồng hàn gắn tình cảm và nuôi con. Nhưng sau đó ông Th không thay đổi, chung sống với ông Th không có hạnh phúc nên chị đã về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 9/2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy không thể trở lại chung sống với ông Th nên cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: có một người con gái tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 28/5/2013 chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Ngày 23/12/2018 ông Th nộp bản tự khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ, nhưng không tham gia giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th vắng mặt phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Chị Nguyễn Ngọc Đ khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Văn Th,cư trú: ấp Hòa Lợi, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Chị Nguyễn Ngọc Đ và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/7/2012. Vì vậy hôn nhân của chị Đ và ông Th được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, xét thấy:

Sau khi cưới chị Đ và ông Th chung sống tại nhà riêng của ông Th, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi, không hạnh phúc nên chị Đ đã về nhà cha mẹ ruột ở, không còn chung sống với ông Th từ tháng 9/2018 cho đến nay.

Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông Th không tham gia giải quyết vụ án, không gặp chị Đ để bàn bạc đoàn tụ mà dẫn đến mỗi người sống mỗi nơi, không quan tâm chăm sóc đến nhau. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình. Chị Đ khẳng định sống với ông Th không có hạnh phúc, không thể hàn gắn trở lại nên cương quyết xin ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị Đ và ông Th không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: có một người con tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 28/5/2013 chị Đ đang nuôi dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của chị Đ thấy rằng: Từ khi cháu D sinh ra cho đến nay chị Đ là người chăm sóc nuôi dưỡng, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Đ. Giao cháu D cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Đ không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

ài sản chung và nợ chung chị Đ khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[3]Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Đ. Cho chị Đ được ly hôn ông Nguyễn Văn Th.

2.Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 28/5/2013 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung và nợ chung: chị Đ khai không có nên không đặt ra giải quyết.

2.Về án phí: buộc chị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001972 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị Đ đã nộp xong án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ánh Bình

Nơi nhận:
-TANDT Vĩnh Long;
-VKSND cùng cấp;
-CC THADS cùng cấp;
-Các đương sự;
-UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
-Lưu hồ sơ vụ án.